

Số: **28** /BC-UBND

Hà Nam, ngày **02** tháng 3 năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2020**

Thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 của Quốc hội ngày 26 tháng 11 năm 2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam báo cáo Bộ Tài chính kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sau đây gọi tắt là THTK, CLP) năm 2019 như sau:

#### **I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức THTK, CLP**

##### **1. Công tác tuyên truyền phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về THTK, CLP**

Các cấp, các ngành và các cơ quan, đơn vị, tổ chức của tỉnh đã luôn xác định THTK, CLP là nhiệm vụ trọng tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo do vậy phải bám sát chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước để làm tốt công tác quán triệt đến các cấp, các ngành, các đơn vị mình tinh thần trách nhiệm về THTK, CLP trong quản lý, sử dụng các nguồn lực nhà nước cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội và các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách khác.

Tiếp tục đẩy mạnh và làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật THTK, CLP; các Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW; Kết luận số 34-KL/TW của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 21/CT-TW ngày 21/12/2012 của Ban Bí thư về việc đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam đã ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019 tại Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 để tổ chức thực hiện.

Chỉ đạo các cấp, các ngành, các đơn vị của tỉnh chủ động xây dựng Chương trình hành động về thực hiện THTK, CLP phù hợp với từng cấp, từng ngành và từng đơn vị thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý đưa THTK, CLP thành nhiệm vụ thường xuyên của các cấp, các ngành và của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức.

Chỉ đạo thực hiện nghiêm các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu..., các văn bản hướng dẫn và các quy định về phân cấp quản lý của HĐND và UBND tỉnh.

## **2. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THPTK, CLP**

Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết TW6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhất là các Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW; Kết luận số 34-KL/TW của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 21/CT-TW ngày 21/12/2012 của Ban Bí thư về việc đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp nhà nước đã nghiêm túc xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình THPTK, CLP để tổ chức thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 807/QĐ-UBND, Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2018 thực hiện Chương trình hành động số 54-CTr/TU ngày 30/01/2018 của Tỉnh ủy Hà Nam, Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố, doanh nghiệp nhà nước thực hiện công khai việc sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính năm 2019 được giao theo quy định của Nhà nước như: Công khai mua sắm, sử dụng trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại, công khai quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, công trình phúc lợi công cộng và các tài sản khác trong cơ quan, đơn vị, tổ chức. Thường xuyên kiểm tra để chấn chỉnh và xử lý theo quy định của pháp luật các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân chưa chấp hành Luật THPTK, CLP, gây lãng phí ngân sách và tài sản công. Ngoài ra, các đơn vị thực hiện công khai trên trang thông tin điện tử nhằm nâng cao hiệu quả tiết kiệm ngân sách; nâng cao hiệu quả hoạt động của Thanh tra nhân dân; đẩy mạnh giám sát đầu tư công đồng qua Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định.

Các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan Báo, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng tới các tầng lớp nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức về ý thức THPTK, CLP trong sản xuất và tiêu dùng, dành nguồn lực đầu tư và sản xuất kinh doanh; triển khai cuộc vận động THPTK, CLP trong các đoàn thể, tổ chức quần chúng; các thôn, xóm, làng, cụm dân cư; tập trung xây dựng nếp sống mới, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu gây lãng phí; phê phán các biểu hiện xa hoa lãng phí trong xã hội; đưa kết quả THPTK, CLP thành nội dung xem xét đánh giá các cơ quan, tổ chức, cá nhân thành viên của mỗi tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức trong các đơn vị.

## **3. Công tác thanh tra kiểm tra, giám sát về THPTK, CLP**

Năm 2019, ngành Thanh tra của tỉnh đã triển khai 371 cuộc thanh tra, kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực hành chính và chuyên ngành về THPTK, CLP đối với

2.271 tổ chức, cá nhân tập trung vào một số lĩnh vực cụ thể như: Quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên; các dự án đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; quản lý sử dụng trụ sở làm việc, công trình phúc lợi công cộng, nhà ở xã hội, xóa bỏ nhà tranh vách đất; các Chương trình quốc gia, quản lý sử dụng nguồn viện trợ, tài trợ của nước ngoài; mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại; trang thiết bị làm việc. Qua thanh tra, kiểm tra phát hiện 889 tổ chức cá nhân có sai phạm; Tổng sai phạm về kinh tế là 15.221,1 triệu đồng. Đã kiến nghị xử lý: Thu hồi 7.741,7 triệu đồng, giảm trừ giá trị quyết toán 1.262,4 triệu đồng; kiến nghị khác 704,1 triệu đồng; kiến nghị xử lý hành chính 37 cá nhân, 14 tập thể; xử phạt vi phạm hành chính trên các lĩnh vực 164 trường hợp với số tiền 5.512,9 triệu đồng (đã thu nộp ngân sách nhà nước 5.502,9 triệu đồng); thu giữ 95 băng đĩa CD, VCD không tem nhãn, tước quyền sử dụng giấy phép lái xe có thời hạn 96 trường hợp, tước 07 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường có thời hạn.

Các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tập trung chỉ đạo các đơn vị trong phạm vi, lĩnh vực quản lý của mình xây dựng kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra xử lý dứt điểm các vi phạm trong THTK, CLP để tổ chức thực hiện theo quy định.

## **II. Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu THTK, CLP**

### **1. THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước**

Thực hiện quản lý chặt chẽ từ khâu lập dự toán, phân bổ dự toán, thực hiện dự toán theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. Triển khai việc giao dự toán, xây dựng dự toán và thẩm tra dự toán cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước năm 2019 đối với các cấp ngân sách. Tăng cường quản lý chi ngân sách nhà nước theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức và đảm bảo tiết kiệm triệt để và hiệu quả.

Thực hiện quyết liệt các biện pháp để xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, hội thảo, lễ kỷ niệm, lễ hội, đi công tác trong và ngoài nước... triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, chi hoạt động văn phòng như điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm...

Đã ban hành các quy định theo thẩm quyền việc thực hiện khoán chi hành chính theo Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan quản lý nhà nước và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và triển khai kịp thời Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

### **2. Tổng hợp kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên**

Năm 2019, có 39/41 đơn vị hoàn thành báo THTK, CLP để phục vụ cho việc tổng hợp kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của toàn tỉnh, số tiết kiệm 10% chi thường xuyên của toàn tỉnh là 22.970,48 triệu đồng: trong đó các

đơn vị khối tính là 14.337 triệu đồng; khối huyện, thành phố là 8.633,48 triệu đồng (Có biểu kèm theo).

### **3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại của các cơ quan, tổ chức trong khu vực Nhà nước**

Thực hiện rà soát, sắp xếp, điều chuyển, bố trí xe ô tô hiện có của các cơ quan, đơn vị đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 và Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Quản lý chặt chẽ việc mua sắm, sử dụng tài sản tại các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; khai thác có hiệu quả trang thiết bị, phương tiện làm việc, không sử dụng xe ô tô, tài sản công vào việc riêng. Công tác thanh lý, điều chuyển tài sản công được đảm bảo, thực hiện đúng theo quy định của Luật quản lý tài sản.

### **4. Tiết kiệm trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản**

Năm 2019, tiếp tục ưu tiên bố trí vốn để xử lý nợ đọng XDCB trong kế hoạch phân bổ vốn đầu tư từ ngân sách địa phương theo quy định Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ xây dựng cơ bản tại các địa phương và tiếp tục thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn NSNN và vốn trái phiếu chính phủ.

Thực hiện nghiêm, hiệu quả các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước, trái phiếu chính phủ; Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 về việc tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước; Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 14 tháng 02 năm 2015 về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng nợ công; Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2015 về tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn vốn đầu tư công.

Đối với công tác thẩm định dự án, đấu thầu: Trong năm 2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã thẩm định dự án, đấu thầu theo đúng quy định hiện hành là 95 dự án, thẩm định với tổng giá trị là 7.331 tỷ đồng; 105 kế hoạch đấu thầu. Công tác thẩm định dự án đảm bảo chất lượng theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và quản lý đấu thầu.

Đối với công tác thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư năm 2019: Phê duyệt quyết toán 309 hạng mục công trình số vốn tiết kiệm được là 11.062,4 triệu đồng: trong đó cấp tỉnh đã thẩm tra trình UBND tỉnh phê duyệt quyết toán 82 hạng mục công trình. Số vốn tiết kiệm được 8.778 triệu đồng. UBND cấp huyện phê duyệt quyết toán vốn đầu tư 227 hạng mục công trình, số vốn tiết kiệm được 2.284,4 triệu đồng; Trong đó UBND huyện Duy Tiên phê duyệt quyết toán vốn đầu tư 55 hạng mục công trình. Số vốn tiết kiệm được 173.9 triệu đồng; UBND huyện Thanh Liêm phê duyệt quyết toán vốn đầu tư 45 hạng mục công trình. Số vốn tiết kiệm được 653 triệu đồng; UBND thành phố Phủ Lý phê duyệt quyết toán vốn đầu tư 91 hạng mục công trình. Số vốn tiết kiệm được 491,73 triệu đồng; UBND huyện



Kim Bảng phê duyệt quyết toán vốn đầu tư 36 hạng mục công trình. Số vốn tiết kiệm được 965,770 triệu đồng (*Có biểu kèm theo*).

Công tác quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc ngày càng chặt chẽ, đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm và hiệu quả của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và các doanh nghiệp có vốn Nhà nước.

**5. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn và TSNN tại doanh nghiệp** (*Công ty khai thác Công trình thủy lợi tỉnh Hà Nam và Công ty TNHH một thành viên xổ số kiến thiết Hà Nam*)

Thực hiện cơ chế, quy chế, các định mức, tiêu chuẩn, chế độ quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực được Nhà nước giao, thực hiện công khai tài chính đúng theo quy định của pháp luật.

Thực hiện triệt để công tác THPT, CLP tối ưu hóa đồng vốn, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp là tiêu chí rất quan trọng trong mọi hoạt động của doanh nghiệp được thực hiện nghiêm túc và đúng chính sách, chế độ tài chính theo quy định của Nhà nước, thực hiện đúng nhiệm vụ mà các doanh nghiệp được giao.

THPT, CLP nhằm giảm chi phí sản xuất kinh doanh, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận doanh nghiệp, các khoản ngân sách nhà nước cấp sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả. Trong năm 2019, Công ty khai thác Công trình thủy lợi đã tiết kiệm trong quản lý đầu tư xây dựng tại 04 dự án, tiết kiệm được 332 triệu đồng và tiết kiệm trong các nguồn kinh phí được cấp từ ngân sách nhà nước là 120 triệu đồng (*Có biểu kèm theo*).

**6. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý sử dụng lao động và thời gian lao động**

Thực hiện quyết liệt, có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức”, Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 23 tháng 9 năm 2016 của Tỉnh ủy Hà Nam về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, người đứng đầu cơ quan đơn vị giai đoạn 2016-2020, nhằm xây dựng một nền công vụ “chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả” trong đó tập trung đẩy mạnh phân cấp quản lý và hoàn thiện việc tổ chức công vụ gọn, nhẹ; xác định danh mục vị trí việc làm; nâng cao chất lượng thi tuyển; thi nâng ngạch.

Công tác tuyển dụng công chức, viên chức đảm bảo theo tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, yêu cầu nhiệm vụ, khối lượng công việc và trong phạm vi biên chế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

Việc bố trí sử dụng cán bộ công chức, viên chức căn cứ theo yêu cầu công việc trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn nhằm bảo đảm sử dụng có hiệu quả cán bộ công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức.

Tiếp tục thực hiện theo vị trí việc làm đã xây dựng theo cơ cấu ngạch công chức, ngạch viên chức và theo chức danh nghề nghiệp.

Về thời gian làm việc các cơ quan đơn vị trong tỉnh đã thực hiện theo đúng quy định thông báo giờ làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **7. Về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tiêu dùng của nhân dân**

7.1 Công tác kiểm tra giá chất lượng hàng hóa trên thị trường: Tháng 01/2019, đã chỉ đạo các ngành thành lập 02 Đoàn kiểm tra liên ngành về niêm yết giá và kiểm soát giá trong dịp tết nguyên đán tại một số doanh nghiệp và kiểm tra kê khai, niêm yết giá cước vận tải xe ô tô trên địa bàn tỉnh.

7.2 Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các hoạt động lễ hội và văn hóa - thể thao

a) Lĩnh vực văn hóa:

\* Việc cưới:

Các địa phương đã vận động nhân dân thực hiện tốt quy định nhà nước về tổ chức đám cưới theo nếp sống văn hóa đảm bảo vui vẻ, lành mạnh, không ăn uống linh đình, phô trương hình thức, thách cưới, mời khách tràn lan mang tính vụ lợi. Qua theo dõi phong trào cho thấy, hiện nay trên địa bàn tỉnh có trên 98.8% đám cưới thực hiện tốt nếp sống văn minh, đảm bảo tiết kiệm chi phí.

\* Việc tang:

Hiện nay tất cả các thôn, làng, tổ phố trong tỉnh đều đã xóa bỏ hầu hết những thủ tục rườm rà, mê tín dị đoan. Nhiều đám tang, nhân dân đã hạn chế quay phim, chụp ảnh, ăn uống, cúng bái... để tiết kiệm chi phí. Không còn hiện tượng để linh cữu trong nhà quá thời gian quy định (48 giờ). Từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh có trên 98,5% đám tang thực hiện tốt nếp sống văn minh, không mời ăn trong tang lễ, không sử dụng thuốc lá để mời khách.

\* Hoạt động lễ hội:

Trong quá trình tổ chức lễ hội, phần lễ được tổ chức trang trọng, thành kính; phần hội được tăng cường hơn với xu hướng lành mạnh, tiến bộ, tiết kiệm. Nhiều địa phương quá trình tổ chức lễ hội đã tận dụng tối đa cơ sở vật chất, phương tiện: trang phục, đạo cụ, cờ, quạt, đồ nghi trượng sử dụng trong rước sách tiếp tục sử dụng lại, hạn chế việc mua sắm mới; đồng thời không tổ chức ăn uống linh đình trong ngày hội, thay vào đó tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, trò chơi dân gian lành mạnh, mang tính giáo dục cao.

Không tổ chức lễ hội đón bằng công nhận di tích, mà kết hợp với lễ hội làng, hoặc tổ chức gọn nhẹ, tiết kiệm. Qua đánh giá sơ bộ, công tác tổ chức lễ hội trên địa bàn tỉnh đã tiết kiệm được ước đạt trên 8 tỷ đồng.

b) Lĩnh vực thể thao:

Tận dụng các khu đất trống, sân đình, đền, chùa, sân nhà trẻ để tổ chức các hoạt động thể thao, vui chơi giải trí cho nhân dân.

Việc chỉ đạo tổ chức các hoạt động thể thao ở cơ sở theo hướng các địa phương không tổ chức các giải cấp xã mà tổ chức các giải mang tính vùng, miền, giảm bớt tần suất tổ chức, quy mô tổ chức, không dàn trải... để tiết kiệm chi phí, thời gian, tiền của, công sức của nhân dân nhưng vẫn đảm bảo không

khí vui tươi, phấn khởi. Tổng kinh phí xã hội hoá thể dục thể thao năm 2019 ước đạt trên 10 tỷ đồng.

### **8. Thực hiện tiết kiệm trong quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên**

Triển khai xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện đã được cấp thẩm quyền xét duyệt đúng quy định; khẩn trương chỉ đạo việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tài nguyên, khoáng sản chi tiết cho từng xã, phường, thị trấn nhằm tăng cường công tác kiểm tra, quản lý chặt chẽ các nguồn tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm trong các lĩnh vực quản lý đất đai, đo đạc bản đồ, bảo vệ môi trường, tài nguyên khoáng sản, nước, khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh theo hướng tiết kiệm, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm. Trong năm 2019, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực tài nguyên và môi trường với tổng số tiền là 1.683 triệu đồng.

### **9. THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ**

Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn và ban hành các định mức về tài chính - ngân sách đảm bảo đúng quy định, tiết kiệm và hiệu quả để là cơ sở cho các đơn vị tổ chức thực hiện. Trên cơ sở đó, đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước tổ chức triển khai, quán triệt đến các tổ chức, cá nhân có liên quan về định mức, tiêu chuẩn, chế độ như: Các quy định về chế độ quản lý, sử dụng tài sản công; các quy định về tiêu chuẩn, định mức trụ sở làm việc và trang thiết bị, phương tiện làm việc của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân; quy định về chế độ công tác phí, hội nghị, sử dụng điện thoại công; các quy định về đấu thầu đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản; các quy định về đất đai, tài nguyên...; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản công, quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định của pháp luật.

Các đơn vị đã xây dựng và công khai trình tự thủ tục hành chính tại trụ sở cơ quan, đơn vị mình và công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị và tại Trung tâm hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong giải quyết các công việc.

## **III. Đánh giá chung**

### **1. Đánh giá kết quả đạt được**

Năm 2019, công tác THTK, CLP của các cơ quan có những chuyển biến khá rõ nét; các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí đã đi vào trọng tâm, trọng điểm, cho thấy hoạt động của các cơ quan và các đơn vị cơ bản đã được quan tâm và thực hiện công khai, minh bạch. Trên cơ sở Chương trình tổng thể THTK, CLP giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2019 của UBND tỉnh ban hành đã được triển khai đến các cơ quan, đơn vị, địa phương; thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương Đảng, Chính phủ về THTK, CLP đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân.

Các sở, ban, ngành, đoàn thể và các địa phương tăng cường kiểm soát chặt chẽ việc chi tiêu công, tiếp khách, tổ chức hội nghị, hội thảo, việc điều hành ngân sách chặt chẽ và hiệu quả; thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công, trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại đúng tiêu chuẩn; quản lý sử dụng ngân sách đúng mục đích, chế độ thông qua công tác lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước đối với từng lĩnh vực theo chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí.

Trên cơ sở thực hiện tốt các cơ chế quản lý tài chính, đặc biệt là thực hiện quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong cơ quan; xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cụ thể rõ ràng, công khai các định mức, tiêu chuẩn chế độ chi tiêu trong các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức giám sát, xây dựng phương án chi trả thu thập; thực hiện tốt công tác công khai tài chính, góp phần cải tiến lề lối làm việc và cải cách hành chính.

Về lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng, tăng cường công tác thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán, hồ sơ thẩm định quyết toán, công tác đấu thầu trong xây dựng cơ bản; kiểm soát chặt chẽ đối với công tác tổ chức đấu thầu, thẩm định kết quả đấu thầu, chào hàng cạnh tranh đối với các dự án sử dụng ngân sách nhà nước; thực hiện nghiêm túc quy trình thẩm tra hồ sơ quyết toán các công trình hoàn thành.

Thực hiện tốt việc sử dụng đất, cho các tổ chức, cá nhân thuê, giao khoán rừng, khai thác rừng trồng, cho thuê môi trường rừng, liên doanh liên kết góp phần bảo vệ rừng; quản lý chặt chẽ việc khai thác khoán sản hạn chế tối đa việc cấp phép mới và mở rộng các dây chuyền sản xuất xi măng gây ô nhiễm môi trường; quản lý chặt chẽ đất đai, tránh lãng phí trong sử dụng, khai thác tiềm năng của đất đai và huy động được vốn đầu tư của xã hội, Đồng thời, góp phần tăng thu ngân sách nhà nước và tăng thu nhập cho đối tượng được giao khoán, thuê.

Thực hiện tốt Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII; Kết luận số 34-KL/TW của Bộ Chính trị. Qua đó đã tinh giản biên chế theo kế hoạch, giảm đầu mối các phòng chuyên môn trực thuộc sở, các đơn vị sự nghiệp công lập và các đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện.

Các doanh nghiệp quản lý vốn nhà nước đã nâng cao hiệu quả công tác quản lý, mở rộng kinh doanh, tăng cường quản lý các định mức tiêu hao nguyên vật liệu, tiết kiệm trong định mức. Từ đó, các doanh nghiệp bảo toàn được vốn nhà nước và tiếp tục phát triển kinh doanh có hiệu quả mang lại doanh thu và một phần lợi nhuận. Trong công tác THTK, CLP sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp đã góp phần đáng kể trong việc phân đầu nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần vào thu ngân sách nhà nước.

## **2. Những tồn tại hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số cơ quan, đơn vị, địa phương THTK, CLP còn chưa có chiều sâu, chưa thể hiện tính tự giác cao, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế sau:



- Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của một số cơ quan còn chung chung, không xây dựng chỉ tiêu kế hoạch tiết kiệm cụ thể, chưa xác định được các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm cần tập trung chỉ đạo tiết kiệm, chưa bám sát vào đặc thù của từng đơn vị để đặt ra chương trình hành động thiết thực; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác tự kiểm tra chưa được phát huy; cá biệt có đơn vị còn chưa thực hiện xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để tổ chức thực hiện.

- Báo cáo chưa đầy đủ các nội dung, chỉ tiêu theo mẫu biểu: Như trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan tổ chức trong khu vực nhà nước, chỉ có 17/41 đơn vị báo cáo; quản lý sử dụng trụ sở nhà làm việc chỉ có 11/41 đơn vị báo cáo.

- Việc sắp xếp bộ máy nói chung còn chậm so với kế hoạch, còn có một số đơn vị chưa thật quyết liệt trong tổ chức thực hiện.

- Chế độ thông tin báo cáo: Một số cơ quan báo cáo chưa kịp thời hoặc không gửi báo cáo, chất lượng báo cáo chưa đáp ứng được yêu cầu, số liệu từng lĩnh vực chưa nêu, nên việc tổng hợp báo cáo chung tình hình THPTK, CLP của tỉnh gặp nhiều khó khăn.

#### **IV. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp THPTK, CLP năm 2020**

Năm 2020, dự báo nền kinh tế tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng, song sẽ còn gặp nhiều khó khăn, thách thức. Vì vậy, việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí càng trở nên cấp thiết. Để thực hiện hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh năm 2020, cần phải triển khai và làm tốt một số nội dung sau:

##### **1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo về công tác THPTK, CLP tại các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố, doanh nghiệp nhà nước**

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố, doanh nghiệp nhà nước trong phạm vi quản lý của mình phải xây dựng Kế hoạch THPTK, CLP để cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm cho từng lĩnh vực gắn với công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên; phân công rõ ràng trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; đưa kết quả THPTK, CLP là tiêu chí để đánh giá công tác thi đua, khen thưởng và đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.

##### **2. Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

- Tập trung vào Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; các Nghị quyết TW6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhất là các Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW; Kết luận số 34-KL/TW của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 21/CT-TW ngày 21/12/2012 của Ban Bí thư về việc đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; các văn bản quy phạm của Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương về THPTK, CLP để thực hiện việc tuyên truyền.

- Làm tốt công tác thực hiện về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gắn với tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức,

phong cách Hồ Chí Minh”, đặc biệt là tư tưởng, tấm gương đạo đức của Người về thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu.

3. Tiếp tục tập trung thực hiện có hiệu quả việc rà soát để bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong các lĩnh vực và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến việc THPTK, CLP.

4. Chấn chỉnh và thực hiện nghiêm việc công khai trong các lĩnh vực theo quy định của nhà nước; các kết luận của thanh tra, kiểm toán về công tác THPTK, CLP; tăng cường vai trò giám sát của các tổ chức, đoàn thể quần chúng và nhân dân về THPTK, CLP; nâng cao vai trò đi đôi với tăng cường trách nhiệm của các cơ quan thông tin tuyên truyền trong việc viết và đưa tin tuyên truyền về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

5. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong việc chấp hành các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; trong đó, tập trung ở một số lĩnh vực trọng điểm như: Quản lý, sử dụng đất đai và tài nguyên, tài sản công, chi tiêu ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản; huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân... để kịp thời chấn chỉnh hoặc có hình thức xử lý kỷ luật nghiêm đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân để xảy ra sai phạm và không chấp hành báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định.

6. Triển khai và thực hiện có hiệu quả THPTK, CLP trong các lĩnh vực: Quản lý, sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước; quản lý, khai thác, sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên, đào tạo, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước...

7. Trên cơ sở Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam sẽ nghiêm túc xây dựng chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để triển khai tổ chức thực hiện.

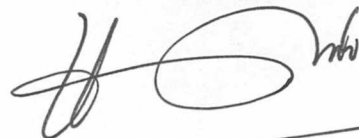
8. Nghiêm túc triển khai việc tổng kết, đánh giá kết quả đã đạt được về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh; kịp thời rút kinh nghiệm những tồn tại, thiếu sót để điều chỉnh và bổ sung các biện pháp THPTK, CLP cho giai đoạn tiếp theo và năm 2021.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam trân trọng báo cáo Bộ Tài chính./

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính (để b/cáo);
- Tỉnh ủy, TTHĐND tỉnh (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị, thành phố;
- Các doanh nghiệp nhà nước;
- VPUB : LĐVP, TH ;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trương Minh Hiền**

## KẾT QUẢ CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: Năm 2019

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8= 6/5 (%)	9
<b>I</b>	<b>Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</b>							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản	27	26	27	100	106	
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản	7	8	7	100	106	
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc	33	34	36	109	105	
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện xử lý	vụ	0	0	0	0	0	
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường ( nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng	0	0	0	0	0	
<b>II</b>	<b>Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước(NSNN)</b>							
1	<b>Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN</b>		0	0	22.970.48			
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng	0	0	0			
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	0	0	22.970.48			Khối tỉnh 14.337 triệu đồng; Khối huyện, thành 8.633,48 triệu đồng
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng	0	0	0			

1.4	Các nội dung khác		0	0	0			
<b>2</b>	<b>Sử dụng và thanh quyết toán NSNN</b>		2.591.58	5.677.98	5.311.98	<b>205</b>	<b>93.5</b>	
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		1.946	4.240	3.591	184.6	84.7	Số tiền tiết kiệm xác định cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	triệu đồng	210.43	455.3	391.33	186	85.9	
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	triệu đồng	233.93	363.25	312.81	134	51	
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	triệu đồng	145.61	615.1	357.34	245	114	
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	triệu đồng	90.3	313.3	295.8	328	114	
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	triệu đồng	114.84	259	167.45	146	56	
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	triệu đồng	174.98	298.2	240.33	137	56	
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	triệu đồng	469.046	432.335	433.335	92	67	
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	triệu đồng	371.94	648.2	650.35	175	76	
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	triệu đồng	134.5	855.29	742.23	552	115	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy).		229	643	694	<b>303</b>	<b>107</b>	
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	229	262	290	126	110	
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:		0	381	404		106	
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	triệu đồng	0	0	0			
	<i>Thực hiện đấu giá, chào hàng cạnh tranh ...</i>	triệu đồng	0	323	346		107	
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	triệu đồng	0	0	0			
	<i>Các nội dung khác</i>		0	58	58		100	
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	417	795	1.027	246	129	Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng	0	0	0			



2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng	0	0	0			được duyệt
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục đào tạo		0	0	0			
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế		0	0	0			
<b>3</b>	<b>Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ</b>		0	0	0			
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	Đơn vị	0	0	0			
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	Đơn vị	0	0	0			
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng	0	0	0			
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>		0	0	0			
<b>III</b>	<b>Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước</b>							
<b>1</b>	<b>Phương tiện đi lại ( ô tô, mô tô, xe gắn máy)</b>		0	0	0			
1.1	Số phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc			91			Chỉ có 17/41 đơn vị báo cáo
1.2	Số lượng khối lượng tăng thêm trong kỳ ( mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	0	14	14		100	Văn phòng Tỉnh ủy nhận điều chuyển 12 xe ô tô từ 5 ban xây dựng Đảng; từ UBKT Trung ương 01 xe; Sở Y tế 01 xe ô tô
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ ( thanh lý, điều chuyển)	chiếc	0	5	5		100	Sở Y tế 2 xe ô tô; Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn 3 xe ô tô
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc	0	0	0			

1.5	Số tiền sử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng	0	0	0			
<b>2</b>	<b>Tài sản khác</b>		0	0	0			
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản	0	0	0			
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được.	tài sản	0	0	0			
2.3	Số tiền sử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng	0	0	0			
<b>3</b>	<b>Các nội dung khác</b>		0	0	0			
<b>IV</b>	<b>Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phục lợi công cộng</b>							
<b>1</b>	<b>Trong đầu tư xây dựng</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>11.062.4</b>			
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	Dự án	0	0	0			
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	0	0	11.062.4			Cấp tỉnh tiết kiệm 8.778 triệu đồng; Cấp huyện thành 2.284,4 triệu đồng
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng	0	0	0.0			
	- <i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh ...</i>	triệu đồng	0	0	0.0			
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng	0	0	0.0			
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng	0	0	11.062.4			
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng	0	0	0			
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	Dự án	0	1	1			
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ		0	0	0			
	<i>Số lượng</i>	Dự án	0	0	0			
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng	0	0	0			
<b>2</b>	<b>Trụ sở làm việc</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>185.281.3</b>			
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m <sup>2</sup>	0	0	185.281.3			Chỉ có 11/41 đơn vị báo cáo
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m <sup>2</sup>	0	0	0			

2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m <sup>2</sup>	0	0	0			
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m <sup>2</sup>	0	0	0			
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m <sup>2</sup>	0	0	0			
2.6	Số tiền xử lý vi phạm thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng	0	0	0			
<b>3</b>	<b>Nhà công vụ</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>			
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m <sup>2</sup>	0	0	0			
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m <sup>2</sup>	0	0	0			
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m <sup>2</sup>	0	0	0			
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m <sup>2</sup>	0	0	0			
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m <sup>2</sup>	0	0	0			
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng	0	0	0			
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>			
<b>V</b>	<b>Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên</b>							
<b>1</b>	<b>Quản lý, sử dụng đất</b>		45	49	49	108	100	
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m <sup>2</sup>	0	0	0			
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m <sup>2</sup>	0	0	0			
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	45	49	49	108	100	
1.4	Các nội dung khác		0	0	0			
<b>2</b>	<b>Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác</b>		0	0	0			
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ	0	0	0			
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	1.090	1.634	1.634	150	100	Thanh tra Sở Tài nguyên

<b>3</b>	<b>Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được</b>		0	0	0			
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án	0	0	0			
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng	0	0	0			
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt		0	0	0			
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>		0	0	0			
<b>VI</b>	<b>Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước</b>							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ	0	0	0			
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	0	0	0			
3	Các nội dung khác		0	0	0			
<b>VII</b>	<b>Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp</b>							
1	<b>Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh</b>		0	0	0			
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng	0	0	0			
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng	0	0	0			
	Tiết kiệm điện	Kw/h	0	0	0			
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tân (lít)	0	0	0			
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	0	0	0			
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng	0	0	0			
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng	0	0	0			
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng	0	0	0			
<b>2</b>	<b>Quản lý đầu tư xây dựng</b>		0	0	0			
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án	3	4	4	133	100	
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án	3	4	4	133	100	
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được		120	250	332	276	132	
	<i>Thẩm định phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng	0	0	0			
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh</i>	triệu đồng	120	250	332	276	132	



	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng	0	0	0			
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	0	0	0			
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn		0	0	0			
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án	0	0	0			
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng	0	0	0			
2.5	Các nội dung khác		0	0	0			
<b>3</b>	<b>Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN</b>		0	0	0			
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng	80	100	120	150	120	
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng	0	0	0			
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng	0	0	0			
<b>4</b>	<b>Mua sắm tài sản, phương tiện</b>		0	0	0			
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con		0	0	0			
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc	0	0	0			
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc	0	0	0			
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng	0	0	0			
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc	0	0	0			
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng	0	0	0			
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc	0	0	0			
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc	0	0	0			
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng	0	0	0			
<b>5</b>	<b>Nợ phải thu khó đòi</b>		0	0	0			
	Số đầu kỳ	triệu đồng	101	101	101	100	100	Công ty xố số kiến thiết tỉnh
	Số cuối kỳ	triệu đồng	101	101	101	100	100	
<b>6</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		0	0	0			

	Số đầu năm	triệu đồng	1.385.812	1.380.170	1.380.170	160	200	Công ty xố số kiến thiết tỉnh; công ty khai thác công trình thủy lợi tỉnh
	Số cuối kỳ	triệu đồng	1.380.170	1.380.310	1.380.230	200.7	200	
<b>VIII Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân</b>								
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP	Lượt hộ	0	0	0			
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ	0	0	0			
<b>IX Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPT, CLP</b>								
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã triển khai, thực hiện	cuộc	0	0	371			Báo cáo số liệu theo thanh tra tỉnh
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã hoàn thành	cuộc	0	0	371			
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	Cơ quan/tổ	0	0	2.771			
4	Số lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT, CLP được phát hiện	Cơ quan/tổ chức/	0	0	1.053			
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng	0	0	15.221.1			
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng	0	0	13.244.6			